UBND TỈNH HƯNG YÊN
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI – SỞ TÀI CHÍNH

Số: 73 /TTrLN-SLĐTBXH-STC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 9 tháng 4 năm 2020

TỜ TRÌNH LIÊN NGÀNH
Đề nghị trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi ngoài quy định chung của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, liên ngành: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính xin trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến về việc trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi ngoài quy định chung của Chính phủ trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRỢ GIÚP XÃ HỘI

Thực hiện Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đến cuối năm 2019, toàn tỉnh đã có trên 51 nghìn đối tượng tại cộng đồng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, được hỗ trợ kinh phí chăm sóc và cấp thẻ bảo hiểm y tế, kinh phí thực hiện trợ giúp xã hội thường xuyên hàng năm trên 215 tỷ đồng.

Tuy nhiên, trên thực tế nhóm người từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng là nhóm người cao tuổi gặp không ít khó khăn trong cuộc sống, vẫn chưa được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của Chính phủ.

Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, để thực hiện tốt hơn nữa chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, việc xây dựng, thực hiện "trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi ngoài quy định chung của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên" là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM

1. Mục đích:

Hoàn thiện chính sách về trợ giúp xã hội; nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội, mở rộng đối tượng hưởng trợ giúp xã hội thụ hưởng, ưu tiên người cao tuổi nhằm hỗ trợ một phần kinh phí để cải thiện cuộc sống, động viên nhóm người từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, trợ cấp xã hội hàng tháng.

2. Quan điểm: Nội dung và mức chi phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, khả năng ngân sách nhà nước của tỉnh và đúng thẩm quyền;

Thực hiện hiệu quả, đảm bảo chế độ cho các đối tượng đúng, đủ, kịp thời.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này được áp dụng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng: Người từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

IV. NỘI DUNG HỖ TRỢ

Trợ cấp xã hội hàng tháng: Bằng 50% mức chuẩn trợ cấp xã hội theo Khoản 1 Điều 4 Nghị định 136/2013/NĐ-CP với người từ đủ 75 đến 80 tuổi mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp xã hội hàng tháng, không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP. Khi Chính phủ thay đổi mức chuẩn trợ cấp xã hội thì mức hỗ trợ được thực hiện theo mức chuẩn trợ cấp xã hội mới.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC

- Dự kiến số lượng và kinh phí:

STT	Nội dung	Số lượng (người)	Dự kiến mức trợ cấp XH/tháng	Dự kiến tổng tiền hỗ trợ/năm (đồng)
1	Người cao tuổi từ đủ 75 tuổi đến 80 tuổi: Không có lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp XH hàng tháng, không thuộc diện hộ gia đình nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp XH hàng tháng.	15.427	Bằng 50% mức chuẩn trợ cấp XH theo quy định hiện hành: 270.000đ x 50% = 135.000đ/người/tháng	24.991.740.000
	Tổng tiền (đồng)			**24.991.740.000**

- Nguồn kinh phí: Nguồn ngân sách nhà nước;
- Cơ quan thực hiện trực tiếp: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH THÔNG QUA VÀ THỰC HIỆN

- Kỳ họp thứ Mười một, Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI
- Thời điểm thực hiện: từ 01/7/2020

Liên ngành: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở LĐTB&XH;
- Lưu: VT, BTXH.

GIÁM ĐỐC
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH HƯNG YÊN

Lê Xuân Tiến

GIÁM ĐỐC
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỈNH HƯNG YÊN

Đặng Văn Diên

BẢNG TỔNG HỢP NGƯỜI CAO TUỔI TỪ 75 ĐẾN DƯỚI 80 TUỔI

(Kèm theo tờ trình liên ngành số: 73/TTrLN-SLĐTBXH-STC ngày 09/4/2020)

STT	Huyện/TX/TP	Các mốc tuổi (tính theo năm dương lịch)					Tổng
		75 tuổi	76 tuổi	77 tuổi	78 tuổi	79 tuổi	
1	TP Hưng Yên	379	328	285	345	222	**1,559**
2	Phù Cừ	285	211	188	224	184	**1,092**
3	Tiên Lữ	315	223	220	232	191	**1,181**
4	Kim Động	274	251	254	323	267	**1,369**
5	Ân Thi	389	306	304	351	310	**1,660**
6	Khoái Châu	590	513	509	579	507	**2,698**
7	Yên Mỹ	331	251	277	380	284	**1,523**
8	Văn Giang	294	242	208	262	221	**1,227**
9	Văn Lâm	453	417	415	409	368	**2,062**
10	Mỹ Hào	214	200	201	251	190	**1,056**
Tổng cộng (người)		**3,524**	**2,942**	**2,861**	**3,356**	**2,744**	**15,427**
Kinh phí dự kiến 6 tháng từ 01/7-12/2020 (đồng)		**2,854,440,000**	**2,383,020,000**	**2,317,410,000**	**2,718,360,000**	**2,222,640,000**	**12,495,870,000**

Ghi chú: Tổng số đối tượng từ 75 tuổi đến dưới 80 tuổi không có lương hưu, trợ cấp hàng tháng, không thuộc diện hộ người cao tuổi thuộc hộ nghèo không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng là **15.427 người;** Tổng số kinh phí dự kiến 6 tháng với mức hỗ trợ 135.000đồng/tháng/người là **12.495.870.000 đồng** (Mười hai tỷ, bốn trăm chín mươi lăm triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng)